toµ ¸n nh©n d©n
KHU VỰC 7 - hµ néi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **311**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24/3/2026
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thu Trang - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thông - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 148/2026/TLST-HNG ngày 09 tháng 02 năm 2026 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2026/QĐXX-ST ngày 09 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1979 (Số CCCD: 001179021325)

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976 (Số CCCD: 001076001568)

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, thành phố Hà Nội

Vắng mặt chị G, anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 12 tháng 01 năm 2026 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Nguyễn Thị G trình bày:**

- Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Văn H lấy nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là UBND xã T, thành phố Hà Nội) ngày 13 tháng 12 năm 1999. Sau khi lấy nhau vợ chồng sống riêng tại thôn L, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội nay là thôn L, xã T, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Từ cuối năm 2025 vợ chồng chị sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc gì nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh H.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 01/8/2000 và Nguyễn Văn Hiền L, sinh ngày 28/10/2010. Cháu H1 đã trưởng thành, chị không có đề nghị gì. Chị đề nghị anh H tiếp tục nuôi cháu L. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí: Chị tự nguyện chịu cả án phí ly hôn.

*** Bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:**

- Về tình cảm: Anh và chị Nguyễn Thị G lấy nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là UBND xã T, thành phố Hà Nội) ngày 13 tháng 12 năm 1999. Sau khi lấy nhau vợ chồng sống riêng tại thôn L, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội nay là thôn L, xã T, thành phố

Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Từ tháng 1 năm 2026, chị G tự bỏ nhà đi, anh có bảo chị G về nhà nhưng chị G không về nên vợ chồng chị sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc gì nhau từ đó đến nay. Chị G xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn nhưng anh không đến Tòa án làm việc được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 01/8/2000 và Nguyễn Văn Hiền L, sinh ngày 28/10/2010. Cháu H1 đã trưởng thành, anh không có đề nghị gì. Anh đề nghị tiếp tục nuôi cháu L. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí: Anh đồng ý để chị G chịu cả án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX quyết định: + Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị G, xử cho chị G được ly hôn với anh H.

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Văn Hiền L, sinh ngày 28/10/2010 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung, riêng, công sức, nợ: Không xem xét giải quyết

+ Về án phí: Chị Gái phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình tranh chấp tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn là anh Nguyễn Văn H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại thôn L, xã T, thành phố Hà Nội. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Chị Nguyễn Thị G, anh Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị G, anh H.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là UBND xã T, thành phố Hà Nội) ngày 13/12/1999 . Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chị G, anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc gì nhau. Chị Gái xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn, anh H đồng ý ly hôn chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Gái, anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 01/8/2000 và Nguyễn Văn Hiền L, sinh ngày 28/10/2010. Cháu H1 đã thành niên, khỏe mạnh, anh chị không có đề nghị gì nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị Gái, anh H thống nhất giao cháu L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thỏa thuận của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Gái, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, nợ: Chị Gái, anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Gái phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 3, 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. VỀ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị G, cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. VỀ con chung: Xác định chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 01/8/2000 và Nguyễn Văn Hiền L, sinh ngày 28/10/2010. Cháu H1 đã thành niên, khỏe mạnh, anh chị không có đề nghị gì nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết. Giao con chung là Nguyễn Văn Hiền L cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị G, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Gái có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị G, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003766 ngày 06 tháng 02 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị G, anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7- Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- UBND xã Trung Giã, TP Hà Nội
- Lưu: Văn Phòng, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thu Trang